

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/12/2021

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Ông Hà Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST - HNGĐ ngày 11/10/2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST, ngày 08/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số : 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị T**; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản D, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn L**; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Bản D, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn chị Quàng Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lò Văn L kết hôn với nhau từ ngày 05/11/2010 tại UBND xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh Lò Văn L chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau đến 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính là do anh L nghiện ma túy dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành. Năm 2019 anh L bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xử phạt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ đó cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị T nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu nhau, không thể chia sẻ mọi khó khăn trong cuộc sống nên đã viết đơn khởi

kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn L. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L.

- **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung :** Có 02 con chung: cháu Lò Thị N, sinh ngày : 25/10/2010 và cháu Lò Văn K, sinh ngày 14/9/2012. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Thị N cho đến khi cháu trưởng thành và để anh L nuôi cháu Lò Văn K cho đến khi các cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản riêng:** Không có.

- **Về nợ chung :** Không có.

Trong bản tự khai, tại phiên hòa giải bị đơn anh Lò Văn L trình bày:

- **Về hôn nhân:** Quá trình kết hôn giữa anh và chị Quảng Thị T như lời khai của chị T là đúng. Hai vợ chồng trước đây chung sống hoà thuận hạnh phúc, bản thân thừa nhận có sử dụng ma túy, anh chị đã được hai bên hòa giải nhiều lần, năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xét xử về ma túy, anh chị đã ly thân từ năm 2019. Nay anh L mới đi chấp hành án trở về, xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn đoàn tụ, anh L không nhất trí ly hôn.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung đúng như chị T khai. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung :** Không có đúng như lời khai của chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Quảng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lò Văn L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các

Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa : Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn L : Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Quàng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn L.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Đề nghị xử giao cháu Lò Thị N, sinh ngày : 25/10/2010 cho chị T là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành và xử giao cháu Lò Văn K, sinh ngày 14/9/2012 cho anh L là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí*: Chị Quàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- *Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết* : Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Quàng Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn L : Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng : Giấy triệu tập đương sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, người thân thích, trưởng bản theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Lò Văn L vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Quàng Thị T và anh Lò Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 05/11/2010 tại UBND xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Quàng Thị T và anh Lò Văn L là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do do anh L nghiện ma túy dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành. Năm 2019 anh L bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu xử phạt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ đó cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh L và tại phiên tòa chị Loan giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Thoan. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh L.

[3]. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: cháu Lò Thị N, sinh ngày : 25/10/2010 và cháu Lò Văn K, sinh ngày 14/9/2012. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị T và anh L đều có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 26/10/2021 nguyện vọng của cháu Lò Thị N muốn ở với mẹ, hiện tại cháu đang sống cùng với mẹ. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 03/11/2021 nguyện vọng cháu Lò Văn K muốn ở với bố, hiện tại cháu đang sống cùng với bố và ông bà nội. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý... Giao cháu Lò Thị N cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Giao cháu Lò Văn K cho anh L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Chị T, anh L đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, sau khi ly hôn anh, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung : Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Hội đồng xét xử buộc chị Quảng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo : đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quảng Thị T được ly hôn với anh anh Lò Văn L.

2. Về con chung:

Xử giao cháu Lò Thị Nga, sinh ngày : 25/10/2010 cho chị Quảng Thị T là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Xử giao cháu Lò Văn Khải, sinh ngày 14/9/2012 cho anh Lò Văn L là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung : Chị Quảng Thị T và anh Lò Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Chị Quảng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số: AA/2021/0000805, ngày 11/10/2021.

5. Về quyền kháng cáo : Chị Quảng Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Lò Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải